

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **602/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: **25/9/2017**
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Anh Tuấn**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Quý

2. Ông Tạ Công Minh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*
Ông **Đàm Viễn Khương**-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Đặng Hiếu N**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: đường A, phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- *Bị đơn:* **Dương Thị Tuyết L**, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt-có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Đặng Hiếu N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Tuyết L kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay về hôn nhân, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị Tuyết L.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Hiếu L, sinh ngày 19/3/1994 đã trưởng thành.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 16/8/2017, bị đơn chị Dương Thị Tuyết L trình bày:*

Chị và anh N kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi và đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh N yêu cầu ly hôn thì tùy anh N quyết định.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Hiếu L, sinh ngày 19/3/1994 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn: thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh N được ly hôn với chị L; về con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy:

2.1. Về hôn nhân: Anh Đặng Hiếu N và chị Dương Thị Tuyết L kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/1992 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy hôn nhân của anh N và chị L là hợp pháp. Theo khai nhận của anh N thì từ khi chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi, nên việc chung sống cũng không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Vì vậy, anh N cho rằng tình cảm vợ chồng đã thật sự rạn nứt, không thể hàn gắn được là có cơ sở. Bởi lẽ, giữa anh N và chị L đã sống ly thân trong một thời gian dài, khi anh N yêu cầu ly hôn, chị L xin vắng mặt và có ý kiến là nếu anh N yêu cầu ly hôn thì tùy anh N quyết định, từ đó cho thấy chị L cũng không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

2.2. Về con chung: anh N và chị L có 01 con chung tên Đặng Hiếu L, sinh ngày 19/3/1994, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Dương Thị Tuyết L có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 22 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Đặng Hiếu N được ly hôn với chị Dương Thị Tuyết L.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh N chịu là 300.000 đồng, anh N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012254 ngày 07/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh N có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

BÙI ANH TUẤN